

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất;

Thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá khách quan, đầy đủ trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời làm cơ sở xác định hiện trạng công nghệ, mức độ hấp thụ, khả năng làm chủ và sẵn sàng đổi mới công nghệ của từng ngành, từng lĩnh vực, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực theo định hướng phát triển của tỉnh.

b) Xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu công nghệ tỉnh phục vụ quản lý nhà nước, từng bước hình thành bản đồ công nghệ và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ.

c) Làm căn cứ đề xuất các giải pháp, cơ chế và chính sách nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

d) Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh và mô hình sản xuất thông minh, hướng đến phát triển bền vững, thân thiện môi trường.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính khách quan, khoa học, đầy đủ và trung thực trong thu thập,

tổng hợp và phân tích thông tin; việc đánh giá không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ quy định về bảo mật dữ liệu.

b) Phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trung ương và của tỉnh; phù hợp đặc thù các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

c) Áp dụng phương pháp đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời được điều chỉnh, đơn giản hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

d) Bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy của mẫu khảo sát; dữ liệu thu thập phải được kiểm tra, xác thực và chuẩn hóa trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu công nghệ; bảo đảm sự cân đối giữa các ngành, lĩnh vực, quy mô và địa bàn.

đ) Kết quả đánh giá bảo đảm tính ổn định, bảo mật; dữ liệu được quản lý tập trung, chia sẻ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phục vụ theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu và bức tranh tổng thể về trình độ, năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, các ngành công nghiệp chủ lực; góp phần nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn tới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Khảo sát, thu thập, chuẩn hóa dữ liệu khoảng 150-200 doanh nghiệp thuộc 05 nhóm ngành công nghiệp chủ lực;
- Xây dựng 05 báo cáo chuyên đề và 01 báo cáo tổng hợp cấp tỉnh;
- Đánh giá thực trạng, mức độ đổi mới công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp;
- Đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao năng lực công nghệ và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 đến 05 doanh nghiệp tiêu biểu;
- Hình thành cơ sở dữ liệu bước đầu về trình độ công nghệ doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP

1. Phạm vi, đối tượng

Doanh nghiệp thuộc 05 nhóm ngành công nghiệp chủ lực:

- (1) Công nghiệp công nghệ cao (Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử,

máy vi tính và sản phẩm quang học);

(2) Công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại;

(3) Công nghiệp truyền thống nâng cấp (Công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị; Công nghiệp chế biến thực phẩm);

(4) Công nghiệp dược phẩm-công nghệ sinh học (Công nghiệp sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu);

(5) Công nghiệp hỗ trợ (Công nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic).

Ưu tiên doanh nghiệp trong khu công nghiệp, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ.

2. Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp

a) Lựa chọn doanh nghiệp bảo đảm tính đại diện theo 05 nhóm ngành công nghiệp chủ lực; ưu tiên doanh nghiệp có nhu cầu, có tiềm năng đổi mới công nghệ.

b) Trong quá trình triển khai, có thể điều chỉnh, mở rộng phạm vi hoặc bổ sung đối tượng đánh giá khi phát sinh yêu cầu thực tiễn, nhằm bảo đảm dữ liệu cập nhật, phản ánh đúng xu hướng phát triển công nghệ.

c) Danh sách doanh nghiệp được lựa chọn tham gia từng kỳ đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổng hợp trên cơ sở đề xuất, góp ý của các sở, ban, ngành.

IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI VÀ SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Thu thập thông tin, tổng hợp, chuẩn hóa số liệu

a) Nội dung chính:

- Đánh giá tổng quan về tình hình sản xuất, kinh doanh;
- Tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn thu thập thông tin;
- Thực hiện điều tra thu thập thông tin trực tuyến;
- Thực hiện điều tra, khảo sát trực tiếp tại một số doanh nghiệp;
- Tổng hợp, chuẩn hóa số liệu phục vụ đánh giá.

b) Sản phẩm:

- Bộ công cụ khảo sát, biểu mẫu thu thập thông tin;
- Danh sách doanh nghiệp tham gia;
- Bộ dữ liệu điều tra đã được chuẩn hóa.

2. Phân tích đánh giá và xây dựng các báo cáo

a) Nội dung chính:

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của 05 nhóm ngành;

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ sản xuất của 05 nhóm ngành;

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ của 05 nhóm ngành.

b) Sản phẩm:

- 05 báo cáo đánh giá theo ngành;
- 01 báo cáo tổng hợp cấp tỉnh;
- Bộ chỉ tiêu đánh giá và cơ sở dữ liệu phân tích.

3. Đề xuất các nhóm giải pháp

a) Nội dung chính:

- Đề xuất các nhóm giải pháp nâng cao năng lực công nghệ sản xuất;
- Ứng dụng giải pháp để xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 03 đến 05 doanh nghiệp mẫu trong ngành các công nghiệp chủ lực.

b) Sản phẩm:

- Báo cáo đề xuất giải pháp;
- Lộ trình đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp mẫu;
- Cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ của tỉnh.

V. THỜI GIAN, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian: Năm 2026

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2026 giao cho Cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai, đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện Kế hoạch.

b) Lựa chọn nhà thầu/tư vấn (nếu có) và tổ chức quản lý thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

c) Tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng quy định.

3. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp đề xuất danh sách doanh nghiệp; hỗ trợ cung cấp thông tin, hồ sơ kỹ thuật của các dự án công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và đôn đốc các doanh nghiệp FDI trong 26 khu công nghiệp, 77 cụm công nghiệp phối hợp đánh giá.

4. Thống kê tỉnh

a) Phối hợp lập danh sách doanh nghiệp theo 5 nhóm lĩnh vực bảo đảm tính đại diện gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

b) Lồng ghép nội dung đánh giá này vào cuộc điều tra doanh nghiệp hằng năm năm 2026 để tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp.

c) Phối hợp rà soát, chuẩn hóa số liệu tài chính, nhân lực của doanh nghiệp.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

Phối hợp thực hiện truyền thông, xây dựng phóng sự tuyên truyền lợi ích của việc đổi mới công nghệ và chuyển đổi số đối với sự phát triển của doanh nghiệp Hưng Yên.

6. Các doanh nghiệp tham gia đánh giá

Có trách nhiệm phối hợp với đoàn khảo sát, cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất và rà soát lại số liệu trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Thông tin của doanh nghiệp sẽ được bảo mật theo quy định pháp luật.

7. Các sở, ngành và địa phương liên quan

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hoạt động khảo sát, lồng ghép nội dung Kế hoạch với các đề án phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số của địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phản ánh khó khăn, vướng mắc (nếu có) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

· Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- CV: KGVX^{Ph+G};
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Hoà